

Số: 10/2021/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

V/v Quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 617/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

Học sinh, người lao động hiện đang sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh, đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại các trường trong tỉnh tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ học sinh, sinh viên học trình độ cao đẳng, trung cấp đối với 29 ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn thuộc 04 nhóm ngành, nghề: Kỹ thuật và Công nghệ thông tin; Sản xuất, Chế biến và Xây dựng; Sức khỏe; Dịch vụ, Du lịch và Môi trường (có danh mục ngành, nghề hỗ trợ tại Phụ lục đính kèm).

b) Người học đủ điều kiện được hỗ trợ học phí học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo quy định này; người học đã được hỗ trợ học phí học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ theo quy định này.

c) Trường hợp mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thấp hơn mức hỗ trợ theo quy định này thì mức hỗ trợ học phí cho người học bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

d) Người học đăng ký học cùng một thời điểm ở hai cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc hai chương trình đào tạo chỉ được hỗ trợ học phí học nghề ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc một chương trình đào tạo.

đ) Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khoá, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng.

3. Mức hỗ trợ

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học				
		2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Kỹ thuật và Công nghệ thông tin	570	1.120	1.190	1.220	1.440
2	Sản xuất, Chế biến và Xây dựng	570	1.070	1.140	1.170	1.380
3	Sức khỏe	1.200	1.310	1.390	1.420	1.680
4	Dịch vụ, Du lịch và Môi trường	570	930	990	1.020	1.200

4. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách địa phương.

5. Cơ chế thực hiện hỗ trợ học phí học nghề

a) Ngân sách nhà nước tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ hằng năm cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để thanh toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b) Hằng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Thực hiện hỗ trợ học phí theo học kỳ vào tháng 5 và tháng 11 hằng năm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ LĐTBXH;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: Chánh VP, phòng CM, lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

PHỤ LỤC**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ HỖ TRỢ HỌC PHÍ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên ngành, nghề (Trình độ đào tạo: Cao đẳng và Trung cấp)
I	Nhóm ngành, nghề: Kỹ thuật và Công nghệ thông tin
1	Đúc, dát đồng mỹ nghệ
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính
3	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)
4	Quản trị mạng máy tính
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
6	Công nghệ chế tạo máy
7	Công nghệ chế tạo dụng cụ
8	Công nghệ Ô tô
9	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử
10	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
11	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà
12	Chế tạo khuôn mẫu
13	Lắp ráp ô tô
14	Cắt gọt kim loại
15	Hàn
16	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
17	Điện tử công nghiệp
18	Điện công nghiệp
19	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh
20	Cơ điện tử
21	Tự động hóa công nghiệp
22	II Nhóm ngành, nghề: Sản xuất, Chế biến và Xây dựng
23	Chế biến thực phẩm
24	Chế biến và bảo quản thủy sản
25	III Nhóm ngành, nghề: Sức khỏe
26	Dược
27	Điều dưỡng
28	IV Nhóm ngành, nghề: Du Lịch, Dịch vụ và Môi trường
29	Hướng dẫn du lịch
30	Quản trị khách sạn
31	Thương mại điện tử
32	Bán hàng trong siêu thị
33	V Nghề khác: Hằng năm căn cứ thực tiễn nhu cầu, cơ cấu nguồn nhân lực, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định bổ sung nghề cần hỗ trợ.